

Bản án số: 17/2024/DS - ST.

Ngày: 20 - 02 - 2024.

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Hoàng Tha.

2. Ông Bùi Hồng Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Hồng Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2023/TLST - DS, ngày 21 tháng 11 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty A; địa chỉ: Nguyễn Thị Minh K, phường Võ Thị S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hứa Minh T, sinh năm 1985; nơi đăng ký thường trú: Ấp S, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nơi ở hiện nay: Nguyễn Thị Minh K, phường Võ Thị S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 645/2023/UQLM-JIVF ngày 06/11/2023) (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 2002; địa chỉ: Số nhà X, ấp Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 26/10/2023 của nguyên đơn Công ty A (sau đây viết tắt là Công ty) và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hứa Minh T trình bày:

Nguyên vào ngày 13/5/2022, ông Nguyễn Tấn Đ ký hợp đồng số 20540002810928000 với Công ty A vay tiền mặt theo hình thức trả góp hàng tháng, cụ thể như sau:

Thời hạn vay 24 tháng, số tiền thanh toán mỗi tháng là 3.254.919 đồng, số tiền vay là 52.032.000 đồng (năm mươi hai triệu, không trăm ba mươi hai nghìn đồng), lãi suất 3.5080%. Ông Đ đã thanh toán nợ gốc là 25.529.316 đồng, lãi là 19.939.041 đồng, lãi quá hạn 178.643 đồng, phí quản lý khoản vay 168.000 đồng. Tổng cộng ông Đ đã thanh toán cho công ty số tiền là 45.815.000 đồng. Dư nợ ông Đ còn nợ lại Công ty A với nợ gốc là 26.502.684 đồng, tiền lãi (tính đến 20/02/2024) là 19.939.041 đồng, tiền lãi quá hạn (tính đến 20/02/2024) là 178.643 đồng, phí quản lý khoản vay là 168.000 đồng. Tổng cộng ông Đ còn nợ lại Công ty số tiền theo hợp đồng tín dụng là 34.672.148 đồng.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông Đ có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi trong vòng 24 tháng, mỗi tháng ông Đ phải thanh toán cho Công ty A số tiền là 3.254.919 đồng vào trước hoặc đúng ngày 12 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ 13/6/2022. Từ ngày 13/6/2022 đến ngày 27/11/2023 ông Đ thanh toán được cho Công ty A số tiền là 45.815.000 đồng. Tuy nhiên, từ sau ngày 27/11/2023 đến nay, ông Đ không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán và cố tình lẩn tránh, mặc dù Công ty đã nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu ông Đ thanh toán, nhiều lần đến nhà yêu cầu ông Đ thanh toán. Việc ông Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm Điều 3; Điều 8 của hợp đồng số 20540002810928000 ngày 13/5/2022 mà hai bên đã thỏa thuận và ký kết, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty A.

Nay Công ty A yêu cầu bị đơn ông Đ phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty A, số tiền tạm tính đến hết ngày 20/02/2024 là 34.672.148 đồng.

Ông Đ tiếp tục thanh toán cho Công ty A tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 21/02/2024 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 20540002810928000 ký ngày 13/5/2022.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Đ nhưng ông Đ không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đ 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và thông báo kết quả phiên họp cho ông Đ biết. Bị đơn ông Đ đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ

án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 26.502.684 đồng, tiền lãi tính đến ngày 20/02/2024 là 8.169.464 đồng (trong đó: Lãi trong hạn là: 7.184.331 đồng, lãi quá hạn: 889.133 đồng, phí quản lý tiền vay: 96.000 đồng) và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi ông Nguyễn Tấn Đ trả xong số nợ gốc cho Công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn Công ty A yêu cầu ông Nguyễn Tấn Đ trả số tiền nợ đã thực hiện giao dịch mà ông Nguyễn Tấn Đ ký kết tại hợp đồng tín dụng số: 20540002810928000 ký ngày 13/5/2022 Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ cư trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đ.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty A và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho việc bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ có vay vốn, Công ty cung cấp cho Tòa án chứng cứ là hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 20540002810928000 ký ngày 13/5/2022, giấy xác nhận của các bên liên quan đến việc xác lập hợp đồng vay ngày 13/5/2022, giấy đề nghị vay vốn kèm phương án trả nợ, giấy cam kết ngày 10/5/2022 đều có chữ ký của bị đơn ông Đ ở mục bên vay và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định của pháp luật nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng đã ký; đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Đ biết nhưng ông Đ không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án, nên Hội đồng xét xử khẳng định ông Đ đã vay và nhận đủ

của Công ty số tiền là 52.032.000 đồng. Theo lịch sử thanh toán do Công ty cung cấp thể hiện sau khi vay ông Đ đã trả cho Công ty được số tiền gốc là 25.529.316 đồng, lần cuối cùng trả vào ngày 27/11/2023. Do đó, việc ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm Điều 3 và Điều 8 của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông Đ là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc nguyên đơn Công ty yêu cầu thu hồi nợ trước hạn và buộc bị đơn ông Đ phải trả cho Công ty số tiền vay gốc còn lại là 26.502.684 đồng và tiền lãi là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Công ty và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 20540002810928000 ký ngày 13/5/2022 và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 10/5/2022 giữa Công ty và ông Đ đã giao kết mức lãi suất là Lãi suất: 3,5080%/năm. Phương thức áp dụng và điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất cố định theo tổng dư nợ gốc ban đầu. Lãi suất nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn nên ông Đ phải có nghĩa vụ trả lãi cho Công ty theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Đ hoàn trả tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/02/2024 với số tiền là 8.169.464 đồng (trong đó: Lãi trong hạn là: 7.184.331 đồng, lãi quá hạn: 889.133 đồng, phí quản lý tiền vay: 96.000 đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng từ ngày 21/02/2024 đến khi ông Đ trả xong số nợ gốc là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận về việc trả nợ gốc lãi, chuyển nợ quá hạn, tính lãi tiền vay tại hợp đồng tín dụng đã ký kết nên có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Công ty số tiền vay gốc còn lại là 26.502.684 đồng, tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/02/2024 là 8.169.464 đồng, tổng cộng là 34.672.148 đồng và ông Đ còn phải trả lãi cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 21/02/2024 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu 1.733.607 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn Công ty A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Công ty A số tiền vay gốc 26.502.684 đồng (hai mươi sáu triệu, năm trăm lẻ hai nghìn, sáu trăm tám mươi bốn đồng), tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng đến ngày 20/02/2024 là 8.169.464 đồng (tám triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm sáu mươi bốn đồng), tổng cộng là 34.672.148 đồng (ba mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Tấn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Nguyễn Tấn Đ phải tiếp tục thanh toán cho Công ty A cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty A.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ phải chịu 1.733.607 đồng (một triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm lẻ bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Công ty A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 841.498 đồng (tám trăm bốn một nghìn, bốn trăm chín mươi tám đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000622, ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Ngọc Ánh